

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 5 - 2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Thành.

2. Bà Bùi Ngọc Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Mộng T, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Kg, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2024, cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là bà Phạm Mộng T trình bày:*

Về hôn nhân, bà (Phạm Mộng T) và ông Lê Văn N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh C chứng nhận kết hôn ngày 29/6/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, về sau vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, tính tình cả hai không còn phù hợp. Gia đình hai bên có hoà giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Bà nhận xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn N. Về con chung có 02 người tên là Lê Thị Nhã A (giới tính nữ) sinh ngày 07/9/2016, Lê Gia N (giới tính nam) sinh ngày 07/10/2018 hiện đang do bà và ông Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà giao Lê Thị Nhã A cho ông Lê Văn N nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi Lê Gia N không đặt ra vấn đề yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Mộng T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Phạm Mộng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Lê Văn N vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Phạm Mộng T và ông Lê Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Phạm Mộng T và ông Lê Văn N được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hoà giải, hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung mà không thể tự hoà giải, hàn gắn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Mộng T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn N. Ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét, bà Phạm Mộng T cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Mộng T và ông Lê Văn N đã và đang trầm

trọng. Do đó, việc bà Phạm Mộng T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn N là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung có 02 người tên là Lê Thị Nhã A (giới tính nữ) sinh ngày 07/9/2016 và Lê Gia N (giới tính nam) sinh ngày 07/10/2018 hiện tại do bà Phạm Mộng T và ông Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phạm Mộng T yêu cầu được tiếp tục nuôi Lê Gia N, đồng ý giao Lê Thị Nhã A cho ông Lê Văn N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Lê Thị Nhã A đã đủ 7 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn chung sống cùng mẹ là bà Phạm Mộng T nên buộc bà Tuyên có nghĩa vụ nuôi dưỡng; đồng thời đối với cháu Lê Gia N, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu chưa đủ 7 tuổi, bà Phạm Mộng T yêu cầu được nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Phạm Mộng T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Mộng T không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Mộng T phải chịu chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Mộng T ly hôn với ông Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao Lê Thị Nhã A (giới tính nữ) sinh ngày 07/9/2016, Lê Gia N (giới tính nam) sinh ngày 07/10/2018 cho bà Phạm Mộng T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Lê Thị Nhã A, Lê Gia N đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Mộng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Phạm Mộng T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014920, ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- UBND xã Đ, huyện N, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Phước**